**BÀI THU HOẠCH TẬP HUẤN GIÁO VIÊN THCS XÂY DỰNG MA TRẬN,**

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**NHÓM 2**

**Thành viên:**

**1. Đỗ Bá Thiệp. Đơn vị: Trường THCS Cao Bá Quát**

**2. Hà Thị Thúy Dung. Đơn vị: Trường THCS Cao Bá Quát**

**3. Mai Thị Kim Trâm. Đơn vị: Trường THCS Cao Bá Quát**

**4. Vũ Thị Thúy Hằng. Đơn vị: Trường THCS Cao Bá Quát**

**5. Nguyễn Thị Phương. Đơn vị: Trường THCS Lương Thế Vinh**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

1. **Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | | | | **Vận dụng**  **(TL)** | | | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | | |
| **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | | **TL** | | **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | |  | |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | **Đại Việt thời Lý- Trần- Hồ (1009- 1407)**  **(7 tiết)** | - Đại Việt Thời Trần(1226-1400)  - Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên | | 3TN | |  |  | | | 1TL\* | |  | | 1TL\* | |  |  | | 1,5đ  15% | |
| Nước Đại Ngu Thời Hồ (1400- 1407) | | 1TN | |  |  | | | 1TL\* | |  | |  | |  |  | | 1,0đ  10% | |
| 2 | | **Khởi nghĩa Lam Sơn và Đại Việt thời Lê Sơ**  **(6 tiết)** | Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) | | 1TN\* | |  |  | | |  | |  | | 1TL(a) | |  | 1TL(b) | | 1,75đ  17,5% | |
| Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527) | | 2TN\* | |  |  | | |  | |  | |  | |  |  | | 0,5đ  5% | |
| 3 | | **Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI**  **(2 tiết)** | Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | | 1TN | |  |  | | |  | |  | |  | |  |  | | 0,25đ  2,5% | |
| ***Tỉ lệ*** | | | | | ***20%*** | | | ***15%*** | | | | | ***10%*** | | | | ***5%*** | | | ***50%*** | |
| **Phân môn Địa lý** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1** | **CHÂU MỸ (10% - đã kiểm tra giữa học kì II)** | | | Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ | | 2TN |  | |  |  | |  | |  | |  | | |  | | 0,5đ  5% | |
| – Phát kiến ra châu Mỹ | | 2TN\* |  | |  |  | |  | |  | |  | | |  | |  | |
| – Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) | | 2TN\* |  | |  |  | |  | |  | |  | | |  | |  | |
| **2** | **CHÂU ĐẠI DƯƠNG**  **(5 tiết)** | | | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương  – Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia  – Một số đặc điểm dân cư, xã hội  - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | | 1TN  2TN\* |  | |  |  | |  | | 1TL | |  | | | TL\* | | 2,0đ  20% | |
| **3** | **CHÂU NAM CỰC**  **(4 tiết)** | | | – Vị trí địa lí của châu Nam Cực  – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực  – Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực  - Kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. | | 1TN  2TN\* |  | |  | 1TL | |  | |  | |  | | | TL\* | | 2,0đ  20% | |
| **4** | **CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ(3 tiết)** | | | - Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí  - Một số cuộc đại phát kiến địa lí  - Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. | | 2TN\*  2TN |  | |  | 1TL\* | |  | | 1TL\* | |  | | |  | | 0,5đ  5% | |
| ***Tỉ lệ*** | | | | | | ***20%*** | | | ***15%*** | | | ***10%*** | | | | ***5%*** | | | | | 50% | |
| **Tổng hợp chung** | | | | | | **40%** | | | **30%** | | | **20%** | | | | **10%** | | | | | 100% | |

1. **Bảng đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | **Phân môn Lịch sử** | | | | | | |
| **1** | **Đại Việt thời Lý- Trần- Hồ (1009- 1407)**  **(7 tiết-2, 5đ)** | **- Đại Việt Thời Trần(1226-1400)**  **- Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên** | **Nhận biết**  – Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần.  **Thông hiểu**  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  – Mô tả được sự thành lập nhà Trần  - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá tiêu biểu  **Vận dụng**  – Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  – Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông...  – Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  - Nhận xét được tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt | 3TN\* | 2TL\* | 2TL\* |  |
| **Nước Đại Ngu Thời Hồ(1400-1407)** | **Nhận biết**  – Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và  - Nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.  – Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh  – Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược. | 1TN\* | 2TL\* |  |  |
| **2** | **Khởi nghĩa Lam Sơn và Đại Việt thời Lê Sơ (6 tiết-2,25đ)** | **Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)** | **Nhận biết**  – Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn  **Thông hiểu**  – Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn  – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn  **Vận dụng**  – Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...  **Vận dụng cao**  - Liên hệ, rút ra được bài học từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với những vấn đề thực tiễn hiện nay  -Nghệ thuật quân sự của bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn. | 1TN\* |  | 1TL(a) | 1TL(b) |
| **Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527)** | **Nhận biết**  – Trình bày được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ:  **Thông hiểu**  – Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ  – Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ | 2TN\* |  |  |  |
| **3** | **Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI**  **(2 tiết- 0,25đ)** | **Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI** | **Nhận biết**  – Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | 1TN\* |  |  |  |
| **Tổng** | | | | **8 TN** | **2 TL** | **0,5 TL** | **0,5 TL** |
| **Tỉ lệ** | | | | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | **CHÂU MỸ**  **(10% - đã kiểm tra giữa học kì II)** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ  – Phát kiến ra châu Mỹ  – Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) | **Nhận biết**  – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.  – Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ.  – Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon.  – Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.  – Trình bày được sự phân hoá tự nhiên ở Trung và Nam Mỹ: theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes). | 2TN  2TN\*  2TN\* |  |  |  |
| 2 | **Châu Đại Dương**  **( 5 tiết –**  **40 % - 2,0điểm)** | Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương  – Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia  – Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | **Nhận biết**  – Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản.  – Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia.  **Thông hiểu**  – Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.  **Vận dụng**  - Nhận xét về sự phân bố dân cư của một số nước ở châu Đại Dương  **Vận dụng cao**  – Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia. | 1TN  2TN\* |  | 1TL | 1 TL\* |
|  |
| 3 | **CHÂU NAM CỰC**  **(4 tiết; 30 % - 2,0 điểm)** | – Vị trí địa lí của châu Nam Cực  – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực  – Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực  - Kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.  – Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.  **Thông hiểu**  – Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực: địa hình, khí hậu, sinh vật.  **Vận dụng cao**  – Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. | 1TN  2TN\* | 1TL\* |  | 1TL\* |
| 4 | **Các cuộc phát kiến địa lí**  **( 3 tiết –**  **20 % - 0,5 điểm)** | - Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí  - Một số cuộc đại phát kiến địa lí  - Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. | **Nhận biết:**  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của [Ferdinand Magellan](https://en.wikipedia.org/wiki/Ferdinand_Magellan) vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).  **Thông hiểu**  - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  **Vận dụng**  - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với  tiến trình lịch sử. | 2TN | 1TL\* | 1TL\* |  |
|  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Tổng hợp chung** | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |

**c. Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

**\* PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

1. **TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:**

**Câu 1**. Vị vua đầu tiên của nhà Trần là

A. Trần Quốc Tuấn B. Trần Cảnh

C.Trần Thủ Độ D. Trần Khánh Dư.

**Câu 2**. Dưới thời Trần đất nước chia làm mấy Lộ?

A. 10 lộ B. 11 lộ

C. 12 lộ D. 13 lộ

**Câu 3**: Tình hình Phật giáo dưới thời Trần như thế nào?

A. Vẫn phát triển nhưng không bằng thời Lý

B. Thời Trần Phật giáo trở thành quốc giáo

C. Phật giáo suy yếu nhanh chóng

D. Nhà Trần cấm truyền bá đạo phật.

**Câu 4**. Năm 1400, triều đại nào được thành lập?

A. Nhà Lý

B. Nhà Trần

C. Nhà Tiền Lê

D. Nhà Hồ

**Câu 5**. Chiến thắng tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là

A. Chi Lăng-Xương Giang B. Bạch Đằng năm 938

C. Ngọc Hồi-Đống Đa D. Rạch Gầm-Xoài Mút

**Câu 6:** Các cửa khẩu: Vân Đồn, Vạn Ninh (Quảng Ninh), Hội Thống (Nghệ An) là nơi:

1. Bố phòng để chống lại các thế lực thù địch

B.. Tập trung các ngành nghề thủ công

C.. Thuyền bè các nước láng giềng qua lại buôn bán

D. Sản xuất các mặt hàng như, sành, sứ, vải, lụa

Câu 7: Tầng lớp nào chiếm đại bộ phận dân cư trong xã hội nước ta thời Lê Sơ?

A. Nông dân B. Thợ thủ công

C. Thương nhân D. Nô tì

Câu 8: Vùng đất phía nam, Vương triều Vi- giay- a của Chăm –pa được thành lập vào thời gian nào?

A. Năm 938 B. Năm 988 C. Năm 1220 D. Năm 1305

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1.** Vì sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh xâm lược nhanh chóng thất bại? (0,.75 điểm)

**Câu 2:** Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên? (0,75 điểm)

**Câu 3.** Bằng kiến thức lịch sử đã học về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1428-1527), em hãy: (1,5 điểm)

a. Đánh giá vai trò của Lê Lợi đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? (1,0 điểm)

b. Nét độc đáo nhất trong cách đánh giặc của nghĩa quân Lam Sơn là gì? (0,5 điểm)

**\* PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

1. **TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:**

**Câu 1. Châu Mĩ tiếp giáp với những đại dương**

A. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương.

B. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

C. Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương.

D. Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương.

**Câu 2. Đâu là diện tích lãnh thổ của châu Mỹ**?

A. 10 triệu km2.

B. 30,3 triệu km2.

C. 42 triệu km2.

D. 44,4 triệu km2.

**Câu 3.** **Châu Đại dương nằm giữa**

**A.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.     **B.** Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.   **D.** Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.

**Câu 4.** **Năm 2020 tỉ lệ dân thành thị của Ô-xtrây-li-a chiếm bao nhiêu %?**

**A.** 80%.   **B.** 82%.

**C.** 84%.  **D.** 86%.

**Câu 5.** **Diện tích của châu Nam Cực khoảng**

**A.** 10 triệu km2.    **B.** 12 triệu km2.     **C.** 14 triệu km2.    **D.** 15 triệu km2.

**Câu 6.** **Vùng thềm lục địa Nam Cực có tiềm năng về:**

**A.** Titan. **B.** Mangan. **C.** Bôxit.    **D.** Dầu mỏ.

**Câu 7. C. Cô-lôm-bô đã tiến hành thêm mấy chuyến thám hiểm tới châu Mỹ?**

**A.** 3 **B.** 4

**C.** 5 **D**. 6

**Câu 8.** **Nhà thám hiểm nào đã chứng minh được “Trái Đất có hình cầu”?**

**A.** C. Cô-lôm-bô B**.** Ph. Ma-gien-lăng

   C**.** B. Đi-a-xo **D.** Va-cô-Đơ-Ga-ma

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm):**

**a/** Cho bảng số liệu sau hãy nhận xét về sự phân bố dân cư của 1 số nước ở châu Đại Dương năm 2014

MẬT ĐỘ DÂN SỐ MỘT SỐ NƯỚC CHÂU ĐẠI DƯƠNG NĂM 2014

|  |  |
| --- | --- |
| **Quốc gia** | **Mật độ dân số (người/km2)** |
| Pa-pua Niu Ghi-nê | 16 |
| Ô-xtrây-li-a | 3 |
| Va-nu-a-tu | 25 |
| Niu Di-len | 16 |

*(Số liệu thống kê năm 2017- NXB Bộ giáo dụcVN)*

**b/** Dựa vào kiến thức đã học em hãy phân tích phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a

**Câu 2.** (1,5 điểm). Dựa vào kiến thức đã học em hãy trình bày các đặc điểm nổi bật về khí hậu, địa hình châu Nam Cực?

1. **ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**A.TRẮC NGHIỆM (2 ĐIỂM)**

**(Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐÁP ÁN** | **B** | **C** | **B** | **D** | **A** | **C** | **A** | **B** |

1. **TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1(0,75**  **điểm)** | **Cuộc kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh xâm lược nhanh chóng thất bại vì:**  - Nhà Hồ không được lòng dân: Do cướp ngôi của nhà Trần . Những hạn chế trong các chính sách cải cách của Hồ Quý Ly.  - Do đường lối kháng chiến sai lầm của nhà Hồ: Không đoàn kết được lực lượng toàn dân mà chỉ chiến đấu đơn độc.  - Trong khi quân Minh đang mạnh, nhà Hồ chỉ biết dựa vào các thành lũy để chống giặc. | 0,25  0,25  0,25 |
| **2(0,75**  **điểm)** | **Ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên:**  - Đập tan tham vọng, ý chí xâm lược Đại Việt của quân Mông – Nguyên. Bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền dân tộc, nâng cao vị thế của Đại Việt.  - Khẳng định quyết tâm, sức mạnh và tinh thần quật cường của dân tộc Việt Nam trong lịch sử chống ngoại xâm.  - Làm suy yếu đế quốc Mông - Nguyên, ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước khác. | 0,25  0,25  0,25 |
| **3(1,5**  **điểm)** | a. Vai trò của Lê Lợi đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:  - Tạo dựng nên cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Đánh tan quân xâm lược Minh với đường lối và chiến thuật đúng đắng.  - Đóng góp nhiều công sức vào cuộc khởi nghĩa…  - Đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo  b. Nét độc đáo nhất trong cách đánh giặc của nghĩa quân Lam Sơn  Khéo kết hợp giữa vây thành với diệt viện. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

1. **TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

**(Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | A | C | A | D | C | D | A | B |

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(1,5 điểm)** | **a**  **(1,0 điểm)** | **Nhận xét.**  Năm 2014, mật độ dân số ở châu Đại Dương không đều giữa các nước. + Va-nu-a-tu có mật độ dân số cao nhất (25 người/km2), tiếp theo là Niu Di- len và Pa-pua Niu Ghi-nê (16 người/km2)  + Thấp nhất là Ô- xtrây-li-a (3 người/km2) | **0,5**  **0,25**  **0,25** |
| **b**  **(0,5 điểm)** | **Phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a**  - Phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, công viên biển, vườn quốc gia,…  - Đồng thời đề ra những chiến lược bảo tồn các quần thể sinh vật và cảnh quan bản địa, góp phần quan trọng duy trì tính đa dạng của tài nguyên sinh vật quốc gia. | 0,25  0,25 |
| **2**  **(1,5 điểm)** |  | **Các đặc điểm nổi bật về địa hình và khí hậu của châu Nam cực**  **- Địa hình:**  **+** Tương đối bằng phẳng, được coi là một cao nguyên băng khổng lồ.  + Độ cao trung bình lớn nhất trong các châu lục với độ cao hơn 2 040 m.  **- Khí hậu:**  + Là châu lục lạnh và khô nhất nhất thế giới.  + Nhiệt độ: Không bao giờ vượt quá 00C Nhiệt độ thấp nhất đo được trong năm 1967 là – 94,50C  + Lượng mưa, tuyết rơi rất thấp, ở vùng ven biển chỉ dưới 200mm/năm; vào sâu trong lục địa, lượng mưa, tuyết rơi còn thấp hơn nhiều.  + Là vùng có khí áp cao, gió từ trung tâm lục địa thổi ra với vận tốc thường trên 60km/giờ; đây là nơi có gió bão nhiều nhất thế giới. | 0, 25  0,25  0, 25  0,25  0,25  0,25 |